

Số: 240/2022/QĐST-HNGĐ

Đà Lạt, ngày 08 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84
Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 381/2022/TLST-
VDS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và
nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Nguyễn V. Th, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 2A đường A, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

+ Chị Phạm Th. H, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 2A đường A, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn V. Th và Chị Phạm Th. H kết hôn
vào năm 2012, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục
tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Đà
Lạt. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát
sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm
sống nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, từ năm 2021 cho đến nay
vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay anh Th và chị H xác định tình cảm vợ
chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy yêu
cầu của anh Th và chị H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của
luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly
hôn của Anh Nguyễn V. Th và Chị Phạm Th. H.

[2] Về con chung: Anh Th và chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn V. Q, sinh ngày 11/11/2012. Khi ly hôn anh Th và chị H thống nhất thỏa thuận giao con chung cho anh Th có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy sự thỏa thuận của anh Th và chị H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đồng thời cháu Q có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của anh Th và chị H. Giao con chung là Nguyễn V. Q, sinh ngày 11/11/2012 cho anh Th có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con anh Th và chị H thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về tài sản chung: Anh Th và chị H thống nhất để hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Th và chị H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Th và chị H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn V. Th và Chị Phạm Th. H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn V. Th và Chị Phạm Th. H thống nhất thỏa thuận giao con chung là Nguyễn V. Q, sinh ngày 11/11/2012 cho Anh Nguyễn V. Th có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con anh Th và chị H thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đặt ra để xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn V. Th và Chị Phạm Th. H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị H và anh Th đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001920 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị H và anh Th đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- UBND Phường 4, tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đặng Thị Thới